

Số: /BVYDCTHG-DTBYT
V/v đề nghị cung cấp báo giá vật
tư y tế, hoá chất xét nghiệm

P. Hà Giang 2, ngày tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Y dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ: đường 03/2, Tổ 8 Quang Trung, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- (Bà) Nguyễn Ngọc Mai; Chức vụ: Phó trưởng khoa Dược-VTTBYT-Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang; Số điện thoại: 0975.722.912.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang nhận báo giá theo 02 hình thức như sau:

- Hình thức 1: nhận trực tiếp bản in giấy qua Phòng Văn thư - Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ: đường 03/2, Tổ 8 Quang Trung, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang)

- Hình thức 2: nhận qua hòm thư công vụ: benhvienyhcthg@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 28 tháng 04 năm 2026 đến 17h30 ngày 12 tháng 05 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2026.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm: (Chi tiết tại phụ lục kèm theo Công văn này)

2. Địa điểm cung cấp: Tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ: đường 03/2, Tổ 8 Quang Trung, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang).

Bảo quản hoá chất xét nghiệm: Nhà cung cấp phải đảm bảo hoá chất được đóng hộp cẩn thận. Đảm bảo môi trường lạnh, khô thoáng và tránh cho hoá chất không bị va đập trong quá trình vận chuyển.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Dự kiến bắt đầu trong quý III, quý IV năm 2026, sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu và hoàn thiện các thủ tục mua sắm theo quy định của pháp luật.

4. Các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không tạm ứng.
- Thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản cam kết.

5. Các thông tin khác (nếu có): Báo giá làm theo mẫu Báo giá hướng dẫn tại Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế.

Bệnh viện Y dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ BV (b/c);
- Đăng Website. bệnh viện;
- Lưu: VT, DTBYT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vương Thị Duyên

PHỤ LỤC

(Kèm theo công văn số /BVYDCTHG-DTBYT ngày tháng 4 năm 2026
của Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Vật tư y tế				
1	Băng dính cuộn vải lụa y tế 2.5cmx5m	Băng keo lụa nền Taffeta trắng, 100 % sợi cellulose acetate, trọng lượng 80 +/- 3 g/m ² , đan dệt 44.0 x 19.5 sợi/cm. Lớp keo Oxide kèm không dùng dung môi. Lực dính 1.8 - 5.5 N/cm. Nguyên liệu các nước G6	Cuộn	110	
2	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m	Băng keo lụa nền Taffeta trắng, 100 % sợi cellulose acetate, trọng lượng 80 +/- 3 g/m ² , đan dệt 44.0 x 19.5 sợi/cm. Lớp keo Oxide kèm không dùng dung môi. Lực dính 1.8 - 5.5 N/cm. Nguyên liệu các nước G7	Cuộn	70	
3	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: TCVN 5903:1995 và CE.	Cái	1000	
4	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G, 25G. Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: TCVN 5903:1995 và CE.	Cái	1600	
5	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: TCVN 5903:1995 và CE.	Cái	29000	
6	Cốc đựng đờm, bệnh phẩm khác	Sử dụng 1 lần , chất liệu nhựa PVC	Lọ	20	
7	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Cái	500	
8	Dây máy điện châm	Sản phẩm có đầu vào là 1 cọc jack 3.5mm đầu ra là 2 kẹp kim	Sợi	200	
9	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	- Gạc: Gạc hút 100% cotton, pH trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước: không quá 0,5%. Tốc độ hút nước không quá 10 giây. Mật độ: 26 x 21/ inch. Kích thước sợi: CD 32/1. Kích thước miếng gạc: 10cm x 10cm x 12 lớp. Đóng gói bằng 2 lớp: 1 lớp PE, 1 lớp giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 14001	Cái	100	

10	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	Găng tay có bột làm từ cao su tự nhiên, màu trắng tự nhiên có nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp. Chiều rộng cổ XS: 70±10mm; cỡ S: 80±10mm; cỡ M: 95±10mm, cỡ L: 111±10mm. Chiều dài trung bình 240mm. Độ dày ngón tay tối thiểu 0.08mm. Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.08mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 50 đôi/ hộp Quy cách: 50 đôi/Hộp	Đôi	17200	
11	Khẩu trang giấy	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 3 lớp/ 4 lớp, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016; ISO 9001 :2015. TCVN 8389-	Cái	3150	
12	Kim cánh bướm 23G, 25G	- Dây dẫn: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. - Dây dài ≥ 300mm - Cỡ kim 23G x 3/4", 25G x 3/4" và các cỡ khác theo yêu cầu. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	300	
13	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Thân kim làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp, kim thẳng, tròn, dẻo, không có độ nhám bề mặt, mũi kim được tự động đánh bóng bằng máy, sắc bên, không gây đau. Tay cầm kim được cuộn bằng thép không gỉ y tế cao cấp, liên kết giữa thân kim và đầu kim được cố định chắc chắn, độc kim tròn đều và sát nhau, không sắc cạnh và màu đồng đều. Kim được đóng gói vô trùng, dùng một lần.	Cái	210000	
14	Kim chích máu	Chất liệu thép không rỉ. Thân có dập gân tăng cứng. Đầu kim sắc nhọn. Tiệt trùng từng chiếc.	Cái	50	
15	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, có nắp chụp bảo vệ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP. Đạt chứng nhận EN ISO 13485: 2016;	Cái	1000	
16	Kim luồn dùng cho máy Laser nội mạch	Chất liệu FEP, có 3 vạch cản quang ở thân catheter, có khả năng lưu kim được đến 96h. Kim sắc 3 mặt vát tạo độ bén tối ưu. Đạt tiệt trùng bằng công nghệ EO. Thân kim không chứa kim loại sử dụng được trong phòng MRI. Có sẵn nút chặn kim luồn khi không sử dụng tiêm truyền. Các cỡ với các màu khác nhau: 24G x 3/4" (I.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (I.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nước biển; 20G x 1- 1/4" (I.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1-3/4" (I.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-3/4" (I.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-3/4" (I.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam;	Cái	9000	

17	Kim luân mạch máu các loại, các cỡ	Kim luân tĩnh mạch có cánh có công cỡ: 18G-22G Catheter bằng chất liệu FEP, có đường 2-3 cạnh quang BaSO_4 . Mũi kim sắc bén, bằng thép không gỉ của Nhật Bản, tráng silicon tránh vỡ thành mạch, dễ lấy ven và giảm đau TCCL: ISO 13485, CE. Tiệt trùng bằng khí EO gas [18G; Ø (1,3 x 45)mm; 95ml/ phút]; [20G; Ø (1,1 x 32)mm; 61ml/ phút]; [22G; Ø (0,9 x 25)mm; 36ml/ phút];	Cái	600	
18	Kim quang dùng cho máy lase nội mạch	Dùng trong điều trị laser nội mạch. Đóng gói và tiệt trùng từng cây.	Cái	2100	
19	Lam kính mài	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, mài mờ một đầu, bề mặt phẳng, không mốc.	Hộp	2	
20	Lamen	TCCE	Hộp	1	
21	Mũ giấy đã tiệt trùng	Được làm từ VKD Poly Propilen nguyên sinh: Chun mù có độ kéo giãn >200%: Không thấm nước: Được đóng gói bằng túi hiện thị 1 cái/ túi; 100 Cái/ Gói. Được tiệt trùng bằng khí EO: Đạt Tiêu chuẩn ISO	Cái	700	
22	Ống nghiệm chống đông EDTA-K2	- Ống có hình dạng lăng trụ đáy tròn, có nắp đậy bằng nhựa - Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và giữ chặt bởi khe tròn giữa ba vòng răng thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. - Kích thước ống: dài 75mm, đường kính 13mm - Chất liệu: ống làm bằng nhựa PP (polypropylene). Nắp làm bằng nhựa LDPE (low density polyethylene) - Ống có chứa hóa chất kháng đông E.D.T.A (ethylene-diaim-tetra-acetic) tỉ lệ 10% (chống đông cho 2ml máu): nắp nhựa màu xanh dương, nhãn màu xanh dương, chịu được lực quay ly tâm 3000-6000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút. - Tiêu chuẩn: ISO 9001 – ISO 13485	Ống	6200	
23	Ống nghiệm chống đông Heparin	- Ống có hình dạng lăng trụ đáy tròn, có nắp đậy bằng nhựa - Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và giữ chặt bởi khe tròn giữa ba vòng răng thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. - Kích thước ống: dài 75mm, đường kính 13mm - Chất liệu: ống làm bằng nhựa PP (polypropylene). Nắp làm bằng nhựa LDPE (low density polyethylene) - Ống có chứa hóa chất kháng đông Heparine tỉ lệ 1% (chống đông cho 2ml máu): nắp nhựa màu đen, nhãn màu đen, chịu được lực quay ly	Ống	250	

		tâm 3000-6000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút. - Tiêu chuẩn: ISO 9001 – ISO 13485			
24	Ống nghiệm nhựa có nắp	Làm từ nhựa PP, có đóng nút, trên ống không có nhãn. Kích thước ống: 12x75mm (kích thước trong), 13x75mm (kích thước ngoài), đựng tối đa 5ml mẫu - Tiêu chuẩn: ISO 9001 – ISO 13485	Cái	250	
25	Ống nghiệm thủy tinh to (đựng nước tiểu)	Chất liệu đc làm từ thủy tinh KT : Ø 100x140ml	Ống	2200	
26	Phim X-Quang số hóa 25cm x 30cm (10"x12")	Kích thước phim 10x12 inch (25x30cm)"sử dụng công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp (Direct Digital Imaging Technology) Có thể sử dụng được cho máy in AGFA. PET dày 168µm, phủ muối bạc và lớp chống trầy xước và chống ẩm. Hạn sử dụng phim ≥ 24 tháng.Đậm độ quang học ≥ 3.1	Hộp	10	
27	Giấy điện tim 6 cần	KT 110mm x 140mm x 143 tờ, dùng cho máy điện tim 6 cần. Đạt ISO 13485, CE.	cuộn	100	
28	Giấy in siêu âm	Giấy làm từ bột giấy, không chứa clo & cacbon, giấy 5 lớp, bóng, kháng nước cao, bền màu, in rõ nét. In lưới hết cỡ giấy. Kích thước 110mmx20m	cuộn	4	
29	Túi đựng rác thải màu xanh	Màu Xanh: Chất thải thông thường	Kg	250	
II	Hoá chất xét nghiệm				
STT	Tên hoá chất	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
30	Bộ hoá chất rửa kim, cuvet, hệ thống máy sinh hoá	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hoá chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/can *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định	2 L	Can	6
31	Dung dịch enzym rửa	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Sodium hipohlorat ≤ 10 % Sodium hidroksid ≤ 5 %	Can 5 lít	Can	2
32	Dung dịch ly giải	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Quaternary Ammonium Salts ≤ 5,0 %	Can 500ml	Can	4
33	Dung dịch pha loãng	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Sodium sulphate anhydrous ≤ 1,1% Sodium hlorid ≤ 0,5% Buffering agents ≤ 0,5% Anti-Mikrobial agents ≤ 0,3%	Can 18 lít	Can	6

34	Dung dịch pha loãng máu cho đếm tế bào dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học	*Là dung dịch đẳng trương dùng để pha loãng mẫu máu trước khi xét nghiệm và để duy trì môi trường thích hợp trong quá trình xét nghiệm trên máy phân tích huyết học, *Thành phần: chứa boric acid, *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Chất bảo quản - Đệm - Sodium chloride - chelator ion kim loại - Sodium sulfate	10 lít/thùng	Thùng	10
35	Dung dịch rửa hệ thống	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Sodium hypochlorite $\leq 1,0\%$ Sodium hydroxide $\leq 1,0\%$	Can 5 lít	Can	5
36	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm hóa sinh Quy cách: 4 x 3 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học - Sodium azide $< 0,1\%$ (khối lượng/khối lượng) - Nồng độ của chất phân tích đặc trưng theo từng lô	4 x 3 ml	Hộp	2
37	Hoá chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm thường quy I	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm hóa sinh Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô	10 x 5 ml	Hộp	1
38	Hóa chất sinh hóa định lượng canxi toàn phần máu	Hoá chất xét nghiệm định lượng calcium Arsenazo trên máy sinh hoá. Hoá chất đơn. Dải đo huyết thanh/ huyết tương: 5-15mg/dL (125-3.74 mmol/L), nước tiểu: 1.5-18mmol/dL(3.37-4.49 mmol/L). Thành phần gồm: Hoá chất: R.Good's buffer, PH 6.5 (20-25°C). Arsenazo III: 200 $\mu\text{mol/L}$. Chất chuẩn: std. Calcium: 10mg/L	R:2x125ml + Std1x5ml	hộp	1

39	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; dải đo: 10-450 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: $<0.1\%$ khối lượng/khối lượng <p>Hóa chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: $<0.1\%$ khối lượng/khối lượng 	<p>R1: 2x50ml + R2: 1x26ml</p>	Hộp	20
40	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin direct	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x100mL + R2: 1x25mL; dải đo: 0,08-10,55 mg/dL</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1,</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sulfanilic acid: 29 mmol/L <p>Hóa chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sodium nitrite: 11 mmol/L 	<p>R1: 1x100 mL + R2: 1x25mL</p>	Hộp	2
41	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R 6 x 100 ml + std: 1x5 ml; dải đo: 20 - 600 mg/dL (0,52-15,52 mmol/L)</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất: R</p> <ul style="list-style-type: none"> - Good's buffer, pH 6,7 - Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: ≥ 180 U/L - Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L - Peroxidase : ≥ 1000 U/L - 4-aminoantipyrine (4-AAP): 0,5 mmol/L - Sodium azide: $< 0,1\%$ khối lượng/khối lượng <p>Cũng chứa surfactants (chất hoạt động bề mặt) và magnesium salts (muối magie) cho hiệu suất tối ưu</p> <p>Chất chuẩn: Std</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cholesterol: 200mg/dL 	<p>R: 6 x 100 ml + Std: 1 x 5 ml</p>	Hộp	6
42	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh người trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml; dải đo: 0.5-15 mg/dL (44-1326 $\mu\text{mol/L}$)</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Picric acid 8.73 mmol/L <p>Hóa chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sodium hydroxide: 312.5 mmol/L - Dịodium phosphate 12.5 mmol/L <p>Chất chuẩn: Std</p> <ul style="list-style-type: none"> - Creatinine: 2 mg/dL (177$\mu\text{mol/L}$) 	<p>R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1 x5ml</p>	Hộp	14

43	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: R: 6 x 100 ml + Std: 1x5 ml; dải đo: 20-400 mg/dL Hóa chất: R- Phosphate buffer, pH 7,4- Phenol: 10 mmol/L- 4-aminoantipyrine: 0,3 mmol/L- Peroxidase: \geq 700 U/L- Glucose oxidase: \geq 10000 U/L- Sodium azide: <0,1% khối lượng/khối lượng Chất chuẩn Std- D-glucose: 100 mg/dL (5,55 mmol/L)	R: 6 x 100 ml + Std: 1 x 5 ml	Hộp	6
44	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2x125mL + Std: 1x5mL; Dải đo: 0.2-12 g/dL (2-120 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/dL -Sodium azide: <0.1% (Khối lượng/khối lượng)	R: 2x125ml + Std: 1x5ml	Hộp	2
45	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết tương/huyết thanh người trên máy xét nghiệm hóa sinh * Dải đo 30-1000 mg/dL (0,34-11,30 mmol/L) * Quy cách: R 6x100mL + Std 1x5mL *Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7,0 - P- chlorophenol: 2,7 mmol/L - ATP: 3,15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0,31 mmol/L - Lipoprotein lipase: \geq 2000 U/L - Glycerol kinase: \geq 500 U/L - Glycerol- 3- phosphater oxidase: \geq 4000 U/L - Peroxidase: \geq 500 U/L - Sodium azide: <0,1% (Khối lượng/khối lượng) Cũng chứa muối magiê, FAD và surfactants cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Glycerol 200 mg/dL - Sodium azide: <0,1% (khối lượng/khối lượng)	R: 6x100ml + Std: 1x5ml	Hộp	6

46	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng cartridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người.</p> <p>*Thành phần gồm Cartridge, C- Tip (10 µL) (túi zip), Túi zip cho cartridge, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. Mỗi túi nhôm kín có chứa hai cartridge. Mỗi cartridge được đóng gói trong một túi nhôm có ba thành phần bao gồm một phần cartridge, một đệm phát hiện và một phần đệm tán huyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần cartridge chứa một que xét nghiệm, màng có kháng HbA1c người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgG của thỏ được cố định ở vạch kiểm soát. - Phần đệm phát hiện chứa liên hợp huỳnh quang kháng HbA1c người, liên hợp huỳnh quang IgG kháng thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS). - Phần đệm tán huyết chứa tween 20 và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS). <p>*Dải làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - NGSP (%): 4-15 % - IFCC (mmol/mol): 20.2-140.4 mmol/mol - eAG (mg/dL): 68.1-383.8 mg/dL 	24 test/hộp	Test	300
47	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid Uric	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm hóa sinh.</p> <p>* Quy cách: R 6x50ml + Std: 1x5ml</p> <p>*Dải đo: Huyết thanh/huyết tương: 1,5-25 mg/dL; Nước tiểu: 5-250 mg/dL</p> <p>*Thành phần:</p> <p>Hóa chất R:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buffer, pH 7.0 (20-25°C) - EHSPT: 0.72 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L - Uricase: ≥ 150 U/L - Peroxidase: ≥12000 U/L - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/khối lượng) <p>Chất chuẩn Std:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Uric acid: 6 mg/dL (357 µmol/L) - Sodium azide: <0.5% (khối lượng/khối lượng) 	R: 6x50ml + Std: 1x5ml	Hộp	2

48	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x2mL; dải đo: 1,6-6 g/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R- Succinate buffer, pH 4.20- Bromocresol green: 0.2 mmol/L- Surfactant Chất chuẩn: Std-Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L)- Sodium azide: < 0.1% khối lượng/ khối lượng	R: 2 x 125 ml + Std: 1x2ml	Hộp	2
49	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trên máy sinh hóa; quy cách: 6 x 50 ml; dải đo: 20-1500 U/L Thành phần gồm: - Good's buffer, pH 6,15 - CNP-G ₃ : 2,27 mmol/L - Sodium azide: <0,1% khối lượng/khối lượng - Cũng chứa calcium và muối chloride, cũng như potassium thiocyanate cho hiệu suất tối ưu	6 x 50 ml	Hộp	1
50	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; dải đo: 0,25-25 mg/dL Hóa chất 1: R1, -Sulfanilic acid: 29 mmol/L -Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	R1: 2x100ml + R2: 1x50ml	Hộp	2
51	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa; quy cách R1: 4x50mL + R2: 2x26mL + Std: 1x5mL Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL , nước tiểu 200-6000 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7,60 -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: <0,1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất 2: R2 -NADH: 1,3 mmol/L -Sodium azide: <0,1% (khối lượng/ khối lượng) Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8,33 mmol/L)	R1: 4x50ml + R2: 2x26ml + Std: 1x5m	Hộp	14

52	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; dải đo: 10-450 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng <p>Hóa chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng 	<p>R1: 2x50ml + R2: 1x26ml</p>	Hộp	20
53	Huyết thanh mẫu Anti A	<p>-Dòng tế bào Anti A BRMA-1 sẽ phát hiện kháng nguyên A.</p> <p>Anti A có màu xanh lam</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016</p>	1lọ /hộp	Hộp	2
54	Huyết thanh mẫu Anti AB	<p>-Dòng tế bào Anti AB ES-4 / ES-15 sẽ phát hiện kháng nguyên A, Ax hoặc B.</p> <p>Anti AB không có màu</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016</p>	1lọ /hộp	Hộp	2
55	Huyết thanh mẫu Anti B	<p>-Dòng tế bào Anti B LB-2 sẽ phát hiện kháng nguyên B.</p> <p>Anti có màu vàng</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016</p>	1lọ /hộp	Hộp	2
56	IVD rửa dành cho máy huyết học	<p>*Dung dịch nhằm loại bỏ các chất còn sót lại của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo của máy phân tích huyết học,*Chứa các chất hoạt động bề mặt và một loại enzyme có thể hòa tan và loại bỏ các hạt hữu cơ lớn,*Thành phần: có chứa axit boric,*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:- BRIJ 35: 0,25 %- EMPIGEN BB: 0,09 %- EVERIS PRECISE: 0,02 %- Natri clorua- Đệm- Chất ổn định- Chất bảo quản</p>	1 lít/chai	Chai	8

57	IVD rửa dành cho máy huyết học	<p>*Dung dịch dùng để làm sạch định kỳ và khẩn cấp hệ thống đo của máy phân tích huyết học,</p> <p>*Nó là một dung dịch đậm đặc của hypoclorit dùng để làm sạch oxy hóa chuyên sâu, trắng và rửa hệ thống đo của máy phân tích huyết học, được sử dụng để loại bỏ cặn lắng hình thành từ các mẫu được xét nghiệm,</p> <p>*Thành phần: chứa Sodium hypochlorite</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Active chlorine - Sodium Hydroxide - Chất ổn định - Sodium chloride 	250 ml/lọ	Lọ	2
58	Ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học	<p>*Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để cho phép các xét nghiệm hemoglobin xa hơn trên máy phân tích huyết học,</p> <p>*Chứa các chất hoạt động bề mặt có tác dụng ly giải các tế bào hồng cầu và các chất bảo vệ bạch cầu giúp bảo vệ trạng thái của bạch cầu để cho phép sự biệt hóa các thành phần bạch cầu</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muối amoni bậc bốn 2,25% - potassium chloride - Imidazole - Chất ổn định 	1 lít/chai	Chai	4
59	Máu chuẩn 3 thành phần Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học	<p>*Hóa chất kiểm chuẩn mức thông thường cho máy xét nghiệm huyết học tự động hoặc bán tự động dùng nguyên lý trở kháng</p> <p>*Thành phần: erythrocyte người, leukocytes và tiểu cầu động vật có vú trong môi trường giống huyết tương cùng chất bảo quản</p>	2,5 ml/ lọ	Lọ	4
60	Que thử nước tiểu tương thích (10 thông số)	Que thử nước tiểu 10 thông Glucose, protein, bilirubin, Urobilinogen, PH, Specific Gravity, Bood, Ketones, Nitrite, Leukocytes	100 test/hộp	Hộp	80
61	test miễn dịch T3	Test xét nghiệm T3	25 test/hộp	hộp	2
62	test miễn dịch T4	Test xét nghiệm T4	25 test/hộp	hộp	2
63	test miễn dịch TSH	Test xét nghiệm TSH	25 test/hộp	hộp	2
III	Hoá chất, thiết bị y tế khác khác				
STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
64	Bộ Giác hơi	Ống giác hơi bằng tre/ trúc. Kích cỡ: Đường kính: khoảng 6cm.Chiều cao: 10,5cm.	Bộ	6	

65	Bộ nhuộm Gram	Sử dụng để nhuộm vi sinh vật từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm theo phương pháp nhuộm Gram. Bộ gồm 4 chai x 250ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương. Quy cách: 4 chai x 250ml/bộ	Bộ	1	
66	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	5	
67	Chất thông đường ống dạng bột	thành phần: Sodium hydroxide Công dụng: Thông sạch các cặn bẩn như giấy, giẻ, rác,tóc... Bảo quản: ở nơi khô ráo, thoáng mát	gói 200gam	60	
68	Cồn 90 độ	Nồng độ Ethanol 96%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	60	
69	Dầu sả	Đạt tiêu chuẩn ISO	Lít	120	
70	Đèn hồng ngoại	Vật liệu: Kim loại.Công suất: 250W.	Cái	30	
71	Dung dịch khử khuẩn steranos 2%	Dung dịch khử khuẩn steranos 2%	can 5l	10	
72	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh không cần nước	Chlorhexidine Digluconate 0,5% Tá dược vừa đủ. Thể tích chai 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Chai	50	
73	Dung dịch khử khuẩn rửa tay thường quy	Chlorhexidine 4%, Sodium lauryl ether sunphate, Sodium lauryl Benzene Sulfonate,... Chất bảo vệ, dưỡng da, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ 100%.Thể tích chai 500ml	Chai	50	
74	Huyết áp điện tử	Kiểm tra các chỉ số huyết áp.Đo nhịp tim.Phát hiện sớm rối loạn nhịp tim.Đã kiểm tra lâm sàng bởi hiệp hội cao huyết ápAnh Quốc (tiêu chuẩnBHS).Công nghệ PAD (phát hiện rối loạn nhịp tim). - Bộ nhớ lưu 200 lần bao gồm ngày giờ giúp việc theo dõi huyết áp được kiểm soát tốt hơn. - Cột hiển thị mức độ huyết áp.Thông báo khi pin yếu. - Dễ sử dụng việc sử dụng đơn giản, bất cứ ai cũng có thể sử dụng.O61	Cái	6	
75	Máy điện châm 6 giắc có áp từ	Máy điện châm. +Máy chính: 01 chiếc: +Giắc nguồn: 01 chiếc: +Dây cắm đứng 01 sợi (kết hợp miêng dán) +Miêng dán màu trắng 01cặp +Dây kẹp: 05 sợi (kết hợp đầu kẹp) +Bút dò huyết: 01 cái - Có thể tạo ra năm loại dạng sóng: sóng liên tục, sóng không liên tục, sóng nén, sóng dao động và sóng bắt đầu / dừng. - Tần số xung của sóng cơ bản là từ 1.2Hz đến 55Hz và độ rộng của nó là 0.6ms. - Nguồn chính một pha 220 V/50Hz hoặc pin 9V bên	cái	45	

		trong. Công suất phát: dưới 20 VA.Sáu kênh đầu ra. kích thích 12 huyết cùng lúc Cường độ xung điều chỉnh Chức năng cài đặt thời gian: Phạm vi thời gian là từ 0 ~ 60 phút + 10%			
76	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	Thành phần chính: Viên sủi khử khuẩn 2,5g. Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric Acid 18%, thành phần khác 32%. pH 5.8 ở nhiệt độ phòng (5.5-6.7) Tiêu chuẩn chất lượng GMP	Hộp	1	
77	Miếng hút máy điện xung	dùng trong máy điện xung	cái	100	
78	Natrclorid 9‰ (vệ sinh kim quang)	TCVN	ml	40	
79	Natri citrat 3.8 %	TCVN	Chai	2	
80	Nén cục	Parafin rắn. Điểm nóng chảy: 47 °C - 65 °C	Kg	50	
81	Oxy già đậm đặc	Tên gọi: Oxy già (tên tiếng anh Hydrogen Peroxide hay Hydro peroxid, Hydro peroxit) + Xuất xứ: Hàn Quốc + Công thức: H ₂ O ₂ + Nồng độ: 30%, 35% hoặc 50% + Trạng thái: dung dịch, chất lỏng trong suốt + Nhiệt độ nóng chảy: -0,43 °C + Nhiệt độ sôi: 150,2 °C + Tỷ trọng: 1.45g/cm ³ + Quy cách: 30kg/can 30%	Can	1	
82	Panh dài giác hơi	Chất liệu thép y tế không gỉ	cái	6	
83	Panh ngắn không máu	Chất liệu thép y tế không gỉ	cái	15	
Tổng: 83 mặt hàng					